

DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH 2025 VÀ VỐN KÉO DÀI SANG 2025
NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÂN CẤP DO CẤP HUYỆN QUẢN LÝ TỪ THU SỬ DỤNG ĐẤT
(Kèm theo Tờ trình số **123** /TTr-UBND ngày **23** tháng **6** năm 2025 của UBND tỉnh Quảng Trị)



Đơn vị tính: triệu đồng													
TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao		Lũy kế phân bổ đến hết 2024		Kế hoạch 2025 đã phân bổ		Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025		Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó vốn đầu giá đất huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó: đầu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	
	TỔNG CỘNG			33.114,03	87.547,65	48.427,54	16.491,63	8.990,37	53.307,473	25.000	3.197,426	2.711,677	
A	Đo đạc địa chính (10%)					7.500,00				2.500			
B	Bổ sung quỹ phát triển đất của tỉnh (5%)					3.750,00				1.250			
C	Các dự án đầu tư (85%)	-	172.864,05	33.114,03	87.547,65	37.177,54	16.491,63	8.990,37	53.307,473	4.427	3.197,426	2.711,677	
I	Dự án hoàn thành đã quyết toán			-	-	-	-	-	-		-	-	
	Dự án...												
II	Dự án đã hoàn thành chưa quyết toán			-	-	-	-	-	-		-	-	
III	Dự án hoàn thành năm 2025		141.837,38	27.918,36	70.251,98	31.981,87	15.691,63	8.190,37	43.280,473		3.197,426	2.711,677	

1	Đường kết nối các điểm du lịch huyện Hướng Hóa	6814/QĐ-UBND ngày 28/12/2021 của huyện HH	80.000,00	8.014,46	20.000,00	8.014,46	-	-	21.479,315	3.064,84	-	-	
2	Hệ thống điện chiếu sáng đường trung tâm xã Tân Liên	QĐ số 1439/QĐ-UBND ngày 25/4/2025	3.325,40	700,00	3.325,40	700,00	-	-	1.500,000	700,00	-	-	
3	Hệ thống điện chiếu sáng đường trung tâm xã Tân Lập	QĐ số 1440/QĐ-UBND ngày 25/4/2025	3.168,02	657,00	3.168,02	657,00	-	-	1.500,000	657,00	-	-	
4	Tạo quỹ đất sạch phục vụ đầu giá quyền sử dụng đất để thực hiện dự án Khu dịch vụ - Du lịch nghỉ dưỡng hồ Tân Độ	26/NQ-HĐND ngày 28/11/2024	1.324,00	1.324,00	1.324,00	1.324,00	-	-	1.324,000	1.324,00	-	-	
5	Tạo quỹ đất sạch phục vụ đầu giá quyền sử dụng đất để thực hiện dự án Nghĩa trang nhân dân thị trấn Khe Sanh	34/NQ-HĐND ngày 26/12/2024	1.452,00	1.452,00	1.452,00	1.452,00	-	-	1.452,000	1.452,00	-	-	
6	Đường liên thôn An Hà - Cao Việt, thị trấn Lao Bảo	1042/QĐ-UBND ngày 27/3/2025	1.000,00	300,00	1.000,00	1.000,00	-	-	1.000,000	300,00	-	-	
7	Đường giao thông Kiệt Trần Cao Văn - hộ Ông Sơn (Khối 4) - TT Khe Sanh	1450/QĐ-UBND ngày 25/4/2025	1.200,00	500,00	1.200,00	1.200,00	-	-	1.200,000	500,00	-	-	

8	Nâng cấp, sửa chữa các đình kinh doanh và hệ thống phòng cháy, chữa cháy tại chợ Khe Sanh	3057/QĐ-UBND ngày 29/7/2024	1.888,93	588,93	1.888,93	588,93	300,00	-	1.588,925	588,93	-	-	
9	Đường vào trụ sở xã Ba Tầng	735/QĐ-UBND 05/3/2024 Số	2.000,00	1.600,00	2.000,00	1.600,00	800,00	800,00	1.200,000	800,00	696,304	696,304	
10	Nhà văn hóa xã Tân Long	3679/QĐ-UBND ngày 16/9/2024	2.200,00	214,60	714,60	214,60	500,00	-	214,600	214,60	485,749	-	
11	Xây dựng hệ thống thoát nước đường Đình Tiên Hoàng, thị trấn Khe Sanh (Đoạn từ điểm giao đường Bùi Dục Tài đến điểm giao đường Phan Chu Trinh)	2933/QĐ-UBND ngày 15/9/2023	1.020,00	360,00	1.020,00	360,00	1.020,00	360,00	-	-	360,000	360,000	
12	Đường Ngõ Gia Tự, thị trấn Lao Bảo	1011/QĐ-UBND ngày 21/3/2025	900,00	900,00	900,00	900,00	900,00	900,00	-	-	900,000	900,000	
13	Nâng cấp, mở rộng chợ Tân Liên	3486/QĐ-UBND ngày 26/11/2020 của huyện HH	10.000,00	3.214,99	8.000,00	3.214,99	8.000,00	2.596,10	-	-	618,884	618,884	
14	Nâng cấp một số tuyến đường nội thị thị trấn Khe Sanh, huyện Hướng Hoá	3975/QĐ-UBND 25/12/2020 của huyện HH	15.400,05	3.670,76	6.300,05	3.534,27	3.534,27	3.534,27	-	-	136,490	136,490	

15	Đường liên thôn kết nối Quốc lộ 9, xã Tân Liên, huyện Hướng Hóa	676/QĐ-UBND ngày 09/3/2023	11.000,00	500,00	1.000,00	500,00			1.000,000	500,00			
16	Nghĩa trang nhân dân thị trấn Lao Bảo (giai đoạn 1)	2211/QĐ-UBND ngày 15/5/2024	5.959,00	3.921,63	5.959,00	3.921,63	137,37		5.821,633	3.921,63			
17	Đường giao thông Kiệt Đình Tiên Hoàng - hộ Bà Lải (Khối 3) - TT Khe Sanh	1689/QĐ-UBND ngày 09/5/2025	1.000,00	300,00	1.000,00	300,00			1.000,000	300,00			
18	Chợ chuỗi xã Tân Long	94/NQ-HDND ngày 21/12/2023; 04/NQ-HDND ngày 09/4/2024	11.000,00	2.500,00	10.000,00	2.500,00	500,00		3.000,000	2.500,00			
IV	Dự án hoàn thành sau năm 2025			-	-	-	-	-	-		-	-	
V	Dự án đang dùng thực hiện		31.026,67	5.195,67	17.295,67	5.195,67	800,00	800,00	10.027,000	4.427,00	-	-	
1	Sửa chữa trụ sở phòng Tư pháp và phòng Văn hóa và Thông tin huyện	730/QĐ-UBND ngày 04/3/2024	800,00	800,00	800,00	800,00	800,00	800,00	-	-	-	-	
2	Trụ sở làm việc xã Hướng Linh	4212/QĐ-UBND ngày 15/11/2022 của huyện HH	4.936,00	194,00	494,00	194,00			494,000	194,00			

3	Trụ sở làm việc xã Xy	4216/QĐ- UBND ngày 15/11/2022 của huyện HH	5.386,00	539,00	539,00	539,00			539,000	539,00				
4	Trụ sở làm việc xã Hướng Sơn	4215/QĐ- UBND ngày 15/11/2022 của huyện HH	4.936,00	194,00	494,00	194,00			494,000	194,00				
5	Hội trường Huyện ủy Hướng Hóa	2210/QĐ- UBND ngày 15/5/2024	14.968,67	3.468,67	14.968,67	3.468,67	-	-	8.500,000	3.500,00	-	-		
VI	Dự án sắp triển khai (đang triển khai)			-	-	-	-	-	-		-	-		

DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH 2025 VÀ VỐN KÉO DÀI SANG 2025
NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÂN CẤP DO CẤP HUYỆN QUẢN LÝ TỪ THU SỬ DỤNG ĐẤT
(Kèm theo Tờ trình số **163** /TT-UBND ngày **23** tháng **6** năm 2025 của UBND tỉnh Quảng Trị)



TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao		Lũy kế phân bổ đến hết 2024	Kế hoạch 2025 đã phân bổ		Số vượt thu năm 2025 tính đến thời điểm báo cáo	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025	Tăng thu, TK chi quỹ đất 2024 chuyển sang 2025	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó vốn đầu giá đất huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	
	TỔNG CỘNG			706.066,75	959.300,70	691.196,06	60.376,96	59.425,68	22.000	5.269,695	9.807,362	28.095,595	
A	Bổ sung quỹ phát triển đất của tỉnh (5%)								1.100	263,485	-	-	
B	Các dự án đầu tư và phân đo đạc (95%)			706.066,75	959.300,70	691.196,06	60.376,96	59.425,68	20.900	5.006,211	9.807,362	28.095,595	
B1	Cấp 10% đo đạc cho nhiệm vụ thường xuyên				-	-	-	-	-	20,000	-	1.396,107	
B2	Phân bổ chi tiết cho các dự án đầu tư			706.066,75	959.300,70	691.196,06	60.376,96	58.925,68	20.400	-	9.807,362	26.547,454	
I	Dự án hoàn thành đã quyết toán			7.810,00	8.600,00	7.810,00	7.810,00	-	-	-	230,818	8,550	

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao			Lũy kế phân bổ đến hết 2024	Kế hoạch 2025 đã phân bổ			Số vượt thu năm 2025 tính đến thời điểm báo cáo	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025	Tăng thu, TK chi quỹ đất 2024 chuyển sang 2025	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó vốn đầu giá đất huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	
1	Khu rèn luyện TDTT của HĐND và UBND huyện	4015/QĐ-UBND ngày 30/11/2023; 2606/QĐ-UBND ngày 26/6/2024	1.050,00	260,00	1.050,00	260,00	260,00	-	-	-	-	190,579	-	-	
2	Trung tâm HTCD thôn Long Hải, xã Phong Bình (giai đoạn 2)	3494/QĐ-UBND ngày 30/10/2023	950,00	950,00	950,00	950,00	950,00	-	-	-	-	5,415	-	-	
3	Trung tâm HTCD thôn Đại Đồng Nhất	5062/QĐ-UBND, ngày 14/12/2022	1.500,00	1.500,00	1.500,00	1.500,00	1.500,00	-	-	-	-	-	8,550	-	
4	Trung tâm HTCD thôn Trí Tiến, xã Gio Sơn (giai đoạn 2)	3524/QĐ-UBND, ngày 30/10/2023	500,00	500,00	500,00	500,00	500,00	-	-	-	-	2,850	-	-	
5	Trung tâm HTCD thôn Đại Đồng Nhất, xã Gio Sơn (giai đoạn 2)	24/NQ-HĐND ngày 21/7/2023; 3491/QĐ-UBND ngày 30/10/2023	500,00	500,00	500,00	500,00	500,00	-	-	-	-	8,604	-	-	
6	BTH đường ra khu sản xuất thôn Phú Ốc, xã Gio Sơn	3256/QĐ-UBND, ngày 30/10/2023	500,00	500,00	500,00	500,00	500,00	-	-	-	-	2,850	-	-	
7	BTH đường ra khu sản xuất Trầm Trôi thôn Lạc Sơn, xã Gio Sơn	3495/QĐ-UBND, ngày 30/10/2023	800,00	800,00	800,00	800,00	800,00	-	-	-	-	4,560	-	-	
8	Trung tâm học tập cộng đồng thôn Nam Đồng, xã Gio Sơn	2940/QĐ-UBND, ngày 15/7/2024	1.200,00	1.200,00	1.200,00	1.200,00	1.200,00	-	-	-	-	6,840	-	-	
9	Trường THCS Gio Sơn (giai đoạn 2)	3525/QĐ-UBND, ngày 30/10/2023	1.100,00	1.100,00	1.100,00	1.100,00	1.100,00	-	-	-	-	6,270	-	-	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao		Lũy kế phân bổ đến hết 2024	Kế hoạch 2025 đã phân bổ		Số vượt thu năm 2025 tính đến thời điểm báo cáo	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025	Tăng thu, TK chi quỹ đất 2024 chuyển sang 2025	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó vốn đầu giá đất huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	
10	Trường Mầm non Gio Sơn; Hàng mục: Xây mới phòng tin học, phòng ngoại ngữ	27/NQ-HĐND ngày 21/7/2023; 3527/QĐ-UBND ngày 30/10/2023	500,00	500,00	500,00	500,00	500,00	-	-	-	2,850	-	
II	Dự án đã hoàn thành chưa quyết toán			33.254,73	45.854,33	31.696,18	22.129,98	-	-	-	2.795,814	1.227,790	
1	Cộng đồng phòng tránh thiên tai trường tiểu học thị trấn Cửa Việt; Hàng mục: Nhà học bộ môn	1284/QĐ-UBND ngày 06/4/2022	4.200,00	1.200,00	4.200,00	941,45	937,15	-	-	-	-	-	
2	Phát triển điểm dân cư xã Phong Bình (giai đoạn 1)	3270/QĐ-UBND ngày 15/8/2022	6.800,00	6.800,00	6.800,00	6.800,00	6.017,73	-	-	-	56,176	138,032	
3	Phát triển điểm dân cư xã Gio Quang	3597/QĐ-UBND ngày 05/9/2022	6.791,00	6.791,00	6.791,00	6.791,00	5.955,55	-	-	-	49,382	-	
4	Xây dựng cơ sở hạ tầng Công viên hồ trung tâm thị trấn Gio Linh (giai đoạn 2); Hàng mục: Quãng trường và đường dạo từ Quảng trường đến đường 2-4 trong giai đoạn 2023-2025	3395/QĐ-UBND ngày 30/8/2023	3.000,00	1.000,00	3.000,00	1.000,00	935,86	-	-	-	19,524	-	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao			Lũy kế phân bổ đến hết 2024	Kế hoạch 2025 đã phân bổ			Số vượt thu năm 2025 tính đến thời điểm báo cáo	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025	Tăng thu, TK chi quỹ đất 2024 chuyển sang 2025	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó vốn đầu tư đất huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu tư đất cấp huyện	Trong đó: Đầu tư đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu tư đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu tư đất cấp huyện	Trong đó: Đầu tư đất cấp huyện	Trong đó: Đầu tư đất cấp huyện	Trong đó: Đầu tư đất cấp huyện	
5	Hội trường Huyện ủy Gio Linh	3301/QĐ-UBND ngày 22/10/2019	3.500,00	2.400,40	2.000,00	1.100,40	2.316,10	-	-	-	-	-	-	81,871	
6	Phát triển điểm dân cư khu phố 6 thị trấn Gio Linh(giai đoạn 3)	3403/QĐ-UBND ngày 25/8/2021	8.112,00	8.112,00	8.112,00	8.112,00	-	-	-	-	-	-	-	589,283	
7	Phát triển điểm dân cư xã Gio Việt	4417/QĐ-UBND ngày 03/11/2022	255,20	255,20	255,20	255,20	-	-	-	-	-	-	-	204,096	
8	Phát triển điểm dân cư xã Gio Mai	5278/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	300,35	300,35	300,35	300,35	-	-	-	-	-	-	-	214,508	
9	Nhà đa năng trường tiểu học và THCS Trung Sơn	4870/QĐ-UBND ngày 05/12/2022	2.800,00	2.300,00	2.800,00	2.300,00	2.069,81	-	-	-	-	-	30,795	-	
10	Trường THCS thị trấn Gio Linh; Hàng mục: Nhà học bộ môn	4841/QĐ-UBND ngày 29/11/2021; 1874/QĐ-UBND ngày 12/5/2022	8.900,00	1.400,00	8.900,00	1.400,00	1.202,00	-	-	-	-	-	276,064	-	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao			Lũy kế phân bổ đến hết 2024		Kế hoạch 2025 đã phân bổ			Số vượt thu năm 2025 tính đến thời điểm báo cáo	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025	Tăng thu, TK chi quỹ đất 2024 chuyển sang 2025	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó vốn đầu tư đất huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu tư đất cấp huyện	Trong đó: Đầu tư đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu tư đất cấp huyện	Trong đó: Đầu tư đất cấp huyện	Trong đó: Đầu tư đất cấp huyện	Trong đó: Đầu tư đất cấp huyện	Trong đó: Đầu tư đất cấp huyện	Trong đó: Đầu tư đất cấp huyện	Trong đó: Đầu tư đất cấp huyện	
11	Lập hồ sơ cấp giấy CNQSD đất; cầm mốc GPMB; đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính; lập hồ sơ chuyên đề cho 27 di tích lịch sử	4468/QĐ-UBND ngày 30/12/2023	349,68	349,68	349,68	349,68	349,68	-	-	-	61,793	-				
12	Lập điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Gio Linh	2780/QĐ-UBND ngày 02/07/2024	2.346,11	2.346,11	2.346,11	2.346,11	2.346,11	-	-	-	2.302,080	-				
III	Dự án hoàn thành năm 2025			51.542,44	150.083,42	51.542,44	24.696,10	41.302,45	4.776,772	-	6.694,314	7.387,394				
1	Nhà Văn hóa huyện Gio Linh	3625/QĐ-UBND ngày 30/10/2020; 4499/QĐ-UBND ngày 30/12/2023; 370/QĐ-UBND ngày 06/02/2025	41.921,18	15.796,40	40.921,18	15.796,40	8.647,63	5.779,25	-	-	-	-				
2	Hệ thống điện chiếu sáng khu vực nội thị thị trấn Gio Linh	4641/QĐ-UBND ngày 18/11/2022; 897/QĐ-UBND ngày 21/3/2024	4.850,00	1.850,00	4.850,00	1.850,00	-	1.500,00	-	-	-	243,438				

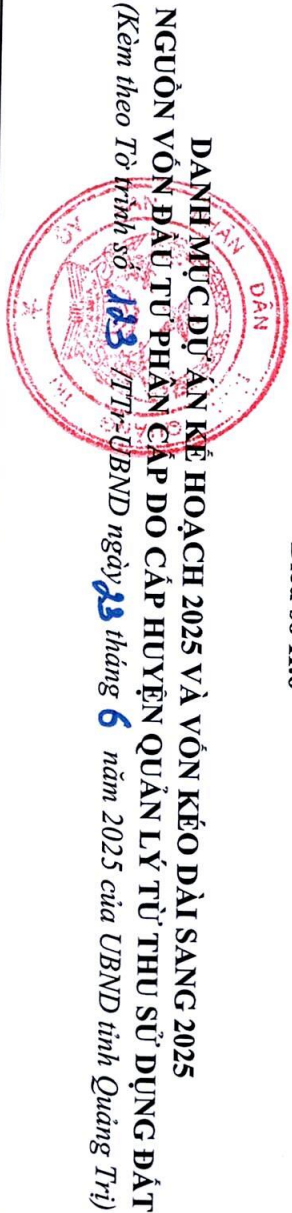
TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao			Lũy kế phân bổ đến hết 2024	Kế hoạch 2025 đã phân bổ			Số vượt thu năm 2025 tính đến thời điểm báo cáo	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025	Tăng thu, TK chi quỹ đất 2024 chuyển sang 2025	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó vốn đầu giá đất huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện		Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện				
3	Trường phổ thông dân tộc nội trú Gio Linh; hàng mục: Xây mới nhà ở nội trú, cải tạo sửa chữa nhà học 2 tầng và chỉnh trang khuôn viên	4840/QĐ-UBND ngày 29/11/2021; 1873/QĐ-UBND ngày 12/5/2022	14.500,00	3.000,00	14.500,00	3.000,00	1.500,00	-	-	-	-	-	465,176	1.500,000	
4	Trường TH&THCS Trung Sơn, Hàng mục: Nhà học bộ môn	4636/QĐ-UBND ngày 18/11/2022; 418/QĐ-UBND ngày 14/02/2025	3.000,00	400,00	3.000,00	400,00	-	2.600,00	-	-	-	-	-	392,350	
5	Trường TH&THCS Phong Bình; Hàng mục: Nhà bán trú	4634/QĐ-UBND ngày 18/11/2022; 419/QĐ-UBND ngày 14/02/2025	1.100,00	100,00	1.100,00	100,00	-	1.000,00	-	-	-	-	-	95,289	
6	Quy hoạch xây dựng vùng huyện Gio Linh đến năm 2040 tầm nhìn đến năm 2050	3097/QĐ-UBND ngày 05/12/2022	1.969,81	969,81	1.969,81	969,81	600,00	-	-	-	-	-	-	369,813	
7	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư mới xã Gio Hải, huyện Gio Linh	5049/QĐ-UBND ngày 7/12/2021	397,13	232,13	397,13	232,13	-	-	-	-	-	-	-	232,127	
8	Giải phóng mặt bằng Khu di tích lịch sử Lăng mộ Cụ Lâm Hoàng	60/NQ-HĐND ngày 14/11/2022	207,00	207,00	207,00	207,00	150,00	-	-	-	-	-	150,000	57,000	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao		Lũy kế phân bố đến hết 2024	Kế hoạch 2025 đã phân bổ		Số vượt thu năm 2025 tính đến thời điểm báo cáo	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025	Tăng thu, TK chỉ quỹ đất 2024 chuyển sang 2025	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó vốn đầu giá đất huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Trong đó:Đầu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Đầu giá đất cấp huyện	Đầu giá đất cấp huyện	
9	Đo đạc, cắm mốc thu hồi đất của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đường 9 tự nguyện trả lại đất cho nhà nước	128/QĐ-UBND ngày 17/01/2025	47,50	47,50	47,50	47,50	-	-	-	-	-	47,498	
10	Đo đạc bổ sung bản đồ địa chính, trích đo thửa đất, lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận QSD đất, cấp nhật cơ sở dữ liệu địa chính cho các hộ dân tại thôn Sông Ngần, xã Linh Trường, huyện Gio Linh	1199/QĐ-UBND ngày 28/4/2023	221,91	221,91	221,91	221,91	168,13	-	-	-	-	53,774	
11	Nâng cấp các công trình hạ tầng, giao thông kết nối hệ thống giếng cổ xã Gio An, huyện Gio Linh	2673/QĐ-UBND ngày 27/6/2024	1.857,75	371,55	1.857,75	371,55	-	678,22	276,772	-	-	94,780	
12	Điều chỉnh mở rộng bãi tắm Cửa Việt thuộc khu dịch vụ - du lịch Cửa Việt (giai đoạn 1)	3395/QĐ-UBND ngày 30/8/2022; 3931/QĐ-UBND ngày 23/11/2023	6.990,00	3.645,00	6.990,00	3.645,00	3.645,00	-	-	-	1.737,034	-	
13	Giải phóng mặt bằng, hỗ trợ cấp giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất cho 22 hộ dân tại xã Linh Hải	3221/QĐ-UBND ngày 03/10/2023	2.700,00	2.700,00	2.700,00	2.700,00	890,38	-	-	-	-	-	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao			Lũy kế phân hò đến hết 2024	Kế hoạch 2025 đã phân bổ			Số vượt thu năm 2025 tính đến thời điểm báo cáo	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025	Tăng thu, TK chỉ quỹ đất 2024 chuyển sang 2025	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó vốn đầu giá đất huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Trong đó:Đầu giá đất cấp huyện		Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện				
14	Phát triển điểm dân cư xã Trung Sơn (giai đoạn 1)	3270/QĐ-UBND ngày 15/8/2022; 3170/QĐ-UBND ngày 05/8/2024	9.221,15	9.221,15	9.221,15	9.221,15	7.506,21	-	-	-	-	4.275,789	-		
15	Đường liên xã Gio An - Linh Trường	1646/QĐ-UBND ngày 07/6/2023	6.000,00	1.200,00	6.000,00	1.200,00	-	2.800,00	500,00	-	-	-	533,747		
16	Tuyến đường Gio Phong (xã Phong Bình) - Trung Sơn (giai đoạn 2)	1438/QĐ-UBND ngày 17/5/2023	5.100,00	1.020,00	5.100,00	1.020,00	-	2.080,00	500,00	-	-	-	63,889		
17	Nâng cấp mặt đường 76 Đồng (đoạn từ cầu Hải Chừ đến đường Trung Giang đi Gio Mỹ)	1648/QĐ-UBND ngày 08/6/2023	10.800,00	2.160,00	10.800,00	2.160,00	-	5.190,00	1.000,00	-	-	-	992,865		
18	Đường liên xã Gio Mai - Gio Hải	1454/QĐ-UBND ngày 22/5/2023	14.500,00	2.900,00	14.500,00	2.900,00	-	10.100	1.000,00	-	-	-	1.505,677		
19	Đường liên xã Trung Hải - Gio Mỹ (tuyệt nhánh)	1437/QĐ-UBND ngày 17/5/2023	5.500,00	1.100,00	5.500,00	1.100,00	-	2.400,00	500,00	-	-	-	320,268		
20	Đường liên xã Gio Sơn - Hải Thái	1435/QĐ-UBND ngày 17/5/2023	7.000,00	1.400,00	7.000,00	1.400,00	-	3.839,00	500,00	-	-	-	196,321		
21	Xây dựng hệ thống thu gom xử lý nước thải chợ Cầu, huyện Gio Linh (giai đoạn 2)	3730/QĐ-UBND ngày 09/10/2024	5.000,00	1.000,00	5.000,00	1.000,00	-	3.335,99	500,00	-	-	-	277,310		

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao			Lũy kế phân bổ đến hết 2024	Kế hoạch 2025 đã phân bổ		Số vượt thu năm 2025 tính đến thời điểm báo cáo	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025	Tăng thu, TK chi quỹ đất 2024 chuyển sang 2025	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó vốn đầu giá đất huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	
22	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên huyện Gio Linh, Hàng mục: Nhà học đào tạo nghề 02 tầng	4869/QĐ-UBND ngày 05/12/2024	8.200,00	2.000,00	8.200,00	2.000,00	1.588,75	-	-	-	-	66,315	411,248	
IV	Dự án hoàn thành sau năm 2025			596.173,00	737.476,36	582.860,86	4.602,00	17.623,23	15.623,228	-	-	86,226	17.923,720	
1	Đường giao thông từ thị trấn Gio Linh đến các xã phía Nam huyện Gio Linh	1905/QĐ-UBND ngày 12/8/2016; 1818/QĐ-UBND ngày 14/7/2021	80.761,00	30.300,00	55.062,11	25.987,86	3.342,00	9.000,00	7.000,00	-	-	86,226	8.000,000	
2	Đường giao thông nối Quốc lộ 9 đến khu chế biến thủy sản Cửa Việt và các xã vùng Đông Gio Linh, huyện Gio Linh	1906/QĐ-UBND ngày 12/8/2016; 933/QĐ-UBND ngày 08/4/2020	80.373,00	22.373,00	70.373,00	22.373,00	-	3.000,00	3.000,00	-	-	-	-	
3	Nâng cấp đường 73 Đông (cũ), huyện Gio Linh	4843/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	80.000	20.000,00	80.000,00	20.000,00	1.260,00	5.000,00	5.000,00	-	-	-	9.923,720	
4	Xây dựng bãi rác tập trung huyện	3625/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	14.041,25	13.000,00	14.041,25	4.000,00	-	623,23	623,228	-	-	-	-	
5	Hà tầng khu tái định cư tại xã Trung Giang, huyện Gio Linh	2971/QĐ-UBND ngày 01/8/2022; 3710/QĐ-UBND ngày 10/11/2023	518.000	510.500,00	518.000,00	510.500,00	-	-	-	-	-	-	-	
V	Dự án đang dùng thực hiện			17.286,59	17.286,59	17.286,59	1.138,88	-	-	-	-	0,190	-	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao		Lũy kế phân bổ đến hết 2024	Kế hoạch 2025 đã phân bổ		Số vượt thu năm 2025 tính đến thời điểm báo cáo	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025	Tăng thu, TK chi quỹ đất 2024 chuyển sang 2025	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó vốn đầu giá đất huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	
1	Đo đạc bổ sung bản đồ địa chính tỷ lệ 1/5.000, lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận QSD đất Lâm Nghiệp; Cấp nhất cơ sở dữ liệu địa chính cho các hộ dân tại xã Linh Trường, huyện Gio Linh	3304/QĐ-UBND ngày 13/9/2023	290,59	290,59	290,59	290,59	7,85	-	-	-	-	-	
2	Nhà văn hóa xã Linh Hải	5052/QĐ-UBND ngày 14/12/2022	2.000,00	2.000,00	2.000,00	2.000,00	112,56	-	-	-	-	-	
3	Phát triển điểm dân cư xã Trung Hải (giai đoạn I)	74/NQ-HĐND ngày 17/12/2021 ; 3300/QĐ-UBND ngày 24/8/2022	14.996	14.996,00	14.996,00	14.996,00	1.018,48	-	-	-	0,190	-	
V1	Dự án sắp triển khai (đang triển khai)			-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Dự án												
B3	Dự toán còn lại chưa phân bổ chi tiết							500,00	500,00	4.986,211	-	152,034	



DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH 2025 VÀ VỐN KÉO DÀI SANG 2025
NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÂN CẤP DO CẤP HUYỆN QUẢN LÝ TỪ THU SỬ DỤNG ĐẤT
(Kèm theo Tờ trình số 183 TT-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2025 của UBND tỉnh Quảng Trị)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao		Lũy kế phân bổ đến hết 2024		Kế hoạch 2025 đã phân bổ		Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025		Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó vốn đầu tư địa phương	Tổng số	Trong đó: Đầu tư cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu tư cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu tư cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu tư cấp huyện	
	TỔNG CỘNG		66.900	29.867	72.500	36.267	32.456,59	19.989,97	11.931	5.000	6.233,005	4.104,005	
A	Bổ sung quỹ phát triển đất của tỉnh (5%)				2.400	2.400	3.050,32	3.050,32	250	250			
B	Đo đạc địa chính (10%)				4.000	4.000			500	500			
C	Các dự án đầu tư (85%)		66.900	29.867	66.100	29.867	29.406,27	16.939,65	11.181	4.250	6.233,005	4.104,005	
I	Dự án hoàn thành đã quyết toán			-	-	-	-	-	-	-		-	
II	Dự án đã hoàn thành chưa quyết toán			-	-	-	-	-	-	-		-	
III	Dự án hoàn thành năm 2025		5.800	2.673	5.000	2.673	3.836,97	1.707,97	1.163	965	3.302,000	1.173,000	
1	Sửa chữa Hội trường trung tâm văn hóa huyện	3148/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	1.000	1.000	1.000	1.000	534,97	534,97	465	465			
2	Nâng cấp đường vào trung tâm xã Ba Nang	974/QĐ-UBND ngày 09/5/2025	4.800	1.673	4.000	1.673	3.302,00	1.173,00	698	500	3.302,000	1.173,000	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư				Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao		Lũy kế phân bổ đến hết 2024		Kế hoạch 2025 đã phân bổ		Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025		Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó vốn đầu tư đất huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu tư cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu tư cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu tư cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu tư cấp huyện		
IV	Dự án hoàn thành sau năm 2025		60.000	26.094	60.000	26.094	25.069,30	14.731,68	9.258	2.525	2.931,005	2.931,005		
1	San tạo mặt bằng để đầu tư giải quyền sử dụng đất hai bên tuyến đường T4 thị trấn Krông Kiang (giai đoạn 2)	4093/QĐ-UBND ngày 09/11/2021	15.000	15.000	15.000	15.000	8.154,33	8.154,33	258	258				
2	Nhà thi đấu đa năng huyện Đakrông	994/QĐ-UBND ngày 12/5/2025	14.000	2.267	14.000	2.267	5.000,00		9.000	2.267				
3	Hồ sinh thái đập dâng Khe Ruoi, thị trấn Krông Kiang, huyện Đakrông (Giai đoạn 1)	603/QĐ-UBND ngày 21/3/2024	31.000	8.827	31.000	8.827	11.914,97	6.577,35			2.931,005	2.931,005		
V	Dự án đang dừng thực hiện		1.100	1.100	1.100	1.100	500,00	500,00	600	600	-	-		
1	Trụ sở xã Hướng Hiệp; Hàng mục: Công, hàng rào	3199/QĐ-UBND ngày 03/12/2024	1.100	1.100	1.100	1.100	500,00	500,00	600	600				
VI	Dự án sắp triển khai (đang triển khai)			-	-	-	-	-	160	160	-	-		
1	Đổi ứng dự án sử dụng vốn cấp trên, hỗ trợ xã về dịch NTM								160	160				